

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2024

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC KINH TẾ HỌC VI MÔ

### A. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1. Tên môn học (tiếng Việt) : KINH TẾ HỌC VI MÔ
2. Tên môn học (tiếng Anh) : MICROECONOMICS
3. Mã số môn học : MES302
4. Trình độ đào tạo : Đại học
5. Ngành đào tạo áp dụng : Các ngành đào tạo bậc đại học
6. Số tín chỉ : 03
7. Phân bổ thời gian : 150 giờ
  - Trực tiếp : 45 giờ
    - o Lý thuyết : 45 giờ
    - o Thực hành : 0 giờ
  - Trực tuyến : không vượt quá 30% tổng thời gian giảng dạy của môn học.
  - Tự học, tự nghiên cứu : 105 giờ
  - Khác (ghi cụ thể) : 0 giờ
8. Khoa quản lý môn học : Khoa Kinh tế Quốc tế
9. Môn học trước : Không
10. Mô tả môn học

Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm.

Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp.

11. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

### 11.1. Mục tiêu của môn học (COx)

Ký hiệu mục tiêu (COx)	Mô tả mục tiêu	Nội dung CĐR CTĐT phân bổ cho môn học	Ký hiệu CĐR CTĐT (PLOn)
(a)	(b)	(d)	(e)
CO1	<b>Vận dụng</b> những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng trong việc phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế cũng như trong việc ra quyết định.	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động.	PLO1
CO2	<b>Giải quyết</b> được các tình huống và các bài tập thuộc phạm trù kinh tế học vi mô.	Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	PLO2
CO3	<b>Thực hiện</b> các hoạt động học tập theo yêu cầu của học phần cũng như của bản thân để đáp ứng những đòi hỏi của thời cuộc.	Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	PLO4

**11.2. Chuẩn đầu ra của môn học (CĐR MH) và sự đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CĐR CTĐT)**

Ký hiệu CĐR MH (CLOi)	Nội dung CĐR MH	Mức độ theo thang đo <sup>1</sup>	Đáp ứng mục tiêu môn học (COx)	Ký hiệu CĐR CTĐT (PLOn)
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)
CLO1	<b>Ứng dụng</b> kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề thuộc phạm trù kinh tế học vi mô (cung, cầu, cân bằng thị trường, độ co giãn và chính sách của chính phủ).	3	CO1	PLO1
CLO2	<b>Thực hiện</b> phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện (hành vi của người tiêu dùng và của nhà sản xuất trên các cấu trúc thị trường khác nhau)	3	CO2	PLO2
CLO3	<b>Luyện tập</b> tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập	2	CO3	PLO4

**Ma trận tích hợp giữa CĐR MH (CLOi), CĐR CTĐT (PLOn) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI<sub>n.k</sub>):**

	PLO1	PLO2	PLO4
	PI1.2	PI2.1	PI4.1
CLO1	3		

<sup>1</sup> Theo thang đo Bloom về tư duy nhận thức

CLO2		3	
CLO3			2

## 12. Phương pháp và hình thức dạy và học

### 12.1. Phương pháp dạy và học:

- Phương pháp Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày tài liệu và giải đáp các thắc mắc của học viên.
- Phương pháp Bài giảng tương tác (Interactive lecture): Thuyết giảng trong đó có quãng thời gian nghỉ khoảng từ hai đến mười lăm phút để cho sinh viên thực hiện các hoạt động học tập (chẳng hạn như: trả lời các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, giải quyết vấn đề, bài tập so khớp và điền vào chỗ trống trong tập ghi chú bài giảng, vấn đáp về một trường hợp điển hình nhỏ, bài tập chia sẻ suy nghĩ theo cặp hoặc thảo luận nhóm nhỏ) cứ sau 12 đến 20 phút.
- Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày) (Writing and speaking exercises): các bài tập, hoạt động học tập (thường thực hiện trong lớp và không chấm điểm), nhằm giúp người học khai thác học liệu, nắm vững kiến thức và chuẩn bị tốt cho bài tập có đánh giá điểm.
- Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề (Problem-based learning): Các nhóm người học tiến hành nghiên cứu bên ngoài lớp học về các vấn đề chưa biết, do người học phát hiện nhằm xác định giải pháp hoặc cách giải quyết cho các vấn đề mơ hồ hoặc tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế.
- Giảng dạy vừa đúng lúc (Just-in-time teaching): là phương pháp giảng dạy trong đó giảng viên thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học. Đầu tiên, người học hoàn thành các bài tập được giao (có thể bao gồm cả việc nghiên cứu các học liệu chưa được giảng trên lớp) và nộp bài thông qua phần mềm quản lý lớp học hoặc điền vào mẫu trên Web, gửi email, tin nhắn trên Facebook... đến giảng viên theo thời gian định trước (thường khoảng một vài giờ trước khi lên lớp). Sau khi người học nộp bài, giảng viên sẽ kiểm tra phản hồi của người học nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém, những nhận thức sai lầm của người

học cũng như những kiến thức mà người học có thể tự học; giảng viên sử dụng các câu trả lời đó để tổ chức buổi học sắp tới.

### **12.2. Hình thức dạy và học:**

Giảng viên có thể chủ động lựa chọn hình thức giảng dạy là giảng dạy trực tiếp cho toàn bộ thời gian của môn học hoặc lựa chọn hình thức giảng dạy trực tuyến kết hợp trực tiếp, nhưng phải đảm bảo tổng thời gian giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% thời gian giảng dạy của cả môn học.

### **13. Quy định của môn học**

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra: sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng hạn được coi như không nộp bài.
- Quy định về chuyên cần: sinh viên được yêu cầu tham dự đầy đủ các buổi học.
- Quy định về liêm chính học thuật: các hình thức gian lận, bao gồm sao chép từ người khác, sử dụng tài liệu trái phép và mạo danh sẽ bị trừ điểm dựa trên mức độ vi phạm.
- Nội quy lớp học: sinh viên được yêu cầu giữ trật tự và tham gia trả lời câu hỏi và làm bài tập ở lớp.

### **14. Tài liệu học tập**

#### **14.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Mankiw, N.G., *Principles of Microeconomics*, 9<sup>th</sup> edition, Cengage Learning, 2021.

#### **14.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Pindyck, R. S. (2018)., *Microeconomics*, 9<sup>th</sup> edition, Pearson, 2018.

[3] Nguyễn Hồ Phương Chi (Chủ biên), Tóm tắt lý thuyết – câu hỏi – bài tập Kinh tế học vi mô, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2017.

#### **14.3. Tài liệu khác**

– Không.

## **B. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC**

### **1. Cơ cấu phương thức đánh giá môn học**

<b>Loại hình đánh giá</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Số lượng bài đánh giá</b>	<b>CĐR MH được đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
	1.1. Đánh giá tính chuyên cần	9		10%

1. Đánh giá quá trình	1.2. Đánh giá quá trình 1 (bài tập cá nhân)	1	CLO1	20%
	1.3. Đánh giá quá trình 2 (bài kiểm tra giữa kỳ)	1	CLO1, CLO2	20%
2. Đánh giá cuối kỳ	2.1. Bài đánh giá cuối kỳ	1	CLO1, CLO2, CLO3	50%

## 2. Phương pháp và công cụ đánh giá

### 2.1. Đánh giá quá trình

#### 2.1.1. Đánh giá tính chuyên cần

- Hình thức đánh giá: giảng viên lập danh sách sinh viên nhằm theo dõi và đánh giá ý thức, thái độ tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình học tập.
- Thời điểm, cách thức thực hiện bài đánh giá: mỗi buổi lên lớp thông qua điểm danh và cộng điểm phát biểu.
- Nội dung, kết cấu bài đánh giá: đánh giá ý thức của sinh viên trong giờ học lý thuyết và thảo luận nhóm thông qua mức độ tham gia và sẵn sàng tham gia của sinh viên.
- Rubric đánh giá:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	<i>Tham dự &gt;90% buổi học</i>	<i>Tham dự 80-90% buổi học</i>	<i>Tham dự 70-80% buổi học</i>	<i>Tham dự &lt;70% buổi học</i>	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

#### 2.1.2. Đánh giá quá trình 1

- Hình thức đánh giá: bài tập cá nhân.
- Thời điểm, cách thức thực hiện bài đánh giá: kết thúc chương 2, bài tập cá nhân dạng tính toán.
- Nội dung, kết cấu bài đánh giá: gồm 3 câu liên quan vẽ đồ thị, tính toán giá và lượng cân bằng, phân tích sự thay đổi trạng thái cân bằng thị trường.
- Tỷ trọng: 100%

e. Ma trận đề:

Tên các nội dung/chủ đề/mạch kiến thức	Các mức độ nhận thức				Tổng cộng
	Mức 1 (biết)	Mức 2 (hiểu)	Mức 3 (áp dụng)	Mức 4 (phân tích)	
Nội dung chính 1: vẽ đồ thị (Chương 2) Số câu: 1 Số điểm: 3 Tỷ lệ: 30%			CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 3 Tỷ lệ: 100%		1 câu = 3 điểm = 100%
Nội dung chính 2: tính toán giá và lượng cân bằng (Chương 2) Số câu: 1 Số điểm: 4 Tỷ lệ: 40%			CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 4 Tỷ lệ: 100%		1 câu = 4 điểm = 100%
Nội dung chính 3: phân tích sự thay đổi trạng thái cân bằng thị trường (Chương 2) Số câu: 1 Số điểm: 3 Tỷ lệ: 30%			CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 3 Tỷ lệ: 100%		1 câu = 3 điểm = 100%
<b>Tổng số câu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
<b>Tổng số điểm</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
<b>Tỷ lệ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>		<b>100%</b>

### 2.1.3. Đánh giá quá trình 2

- Hình thức đánh giá: bài thi giữa kỳ dạng trắc nghiệm khách quan.
- Thời điểm, cách thức thực hiện bài đánh giá: Sau khi kết thúc chương 6.
- Nội dung, kết cấu bài đánh giá: Sinh viên thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan với 40 câu hỏi, thực hiện trong vòng 50 phút. Nội dung bài trắc nghiệm nằm trong các chương 3, 4, 5, 6
- Ma trận đề:

Tên các nội dung/chủ đề/mạch kiến thức	Các mức độ nhận thức				Tổng cộng
	Mức 1 (biết)	Mức 2 (hiểu)	Mức 3 (áp dụng)	Mức 4 (phân tích)	
<i>Nội dung chính 1: 10 câu hỏi trắc nghiệm về Độ co giãn và ứng dụng. (Chương 3)</i> Số điểm: 2.5 Tỷ lệ: 25%	CLO1 Số câu: 3 Số điểm:0.75 Tỷ lệ: 30%	CLO1 Số câu: 3 Số điểm:0.75 Tỷ lệ: 30%	CLO1 Số câu: 4 Số điểm:1 Tỷ lệ: 40%	-	10 câu = 2.5 điểm = 100%
<i>Nội dung chính 2: 10 câu hỏi trắc nghiệm về Cung cầu và chính sách của chính phủ (Chương 4)</i> Số điểm: 2.5 Tỷ lệ: 25%	CLO1 Số câu: 3 Số điểm:0.75 Tỷ lệ: 30%	CLO1 Số câu: 3 Số điểm:0.75 Tỷ lệ: 30%	CLO1 Số câu: 4 Số điểm:1 Tỷ lệ: 40%	-	10 câu = 2.5 điểm = 100%
<i>Nội dung chính 3: 10 câu hỏi trắc nghiệm về Lý thuyết hành vi người tiêu dùng (Chương 5)</i> Số điểm: 2.5 Tỷ lệ: 25%	CLO2 Số câu: 3 Số điểm:0.75 Tỷ lệ: 30%	CLO2 Số câu: 3 Số điểm:0.75 Tỷ lệ: 30%	CLO2 Số câu: 4 Số điểm:1 Tỷ lệ: 40%	-	10 câu = 2.5 điểm = 100%
<i>Nội dung chính 4: 10 câu hỏi trắc nghiệm về Lý thuyết sản xuất và chi phí (chương 6)</i> Số điểm: 2.5 Tỷ lệ: 25%	CLO2 Số câu: 3 Số điểm:0.75 Tỷ lệ: 30%	CLO2 Số câu: 3 Số điểm:0.75 Tỷ lệ: 30%	CLO2 Số câu: 4 Số điểm:1 Tỷ lệ: 40%	-	10 câu = 2.5 điểm = 100%
<b>Tổng số câu</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>16</b>		<b>40</b>
<b>Tổng số điểm</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>4</b>		<b>10</b>
<b>Tỷ lệ</b>	<b>30%</b>	<b>30%</b>	<b>40%</b>		<b>100</b>

## 2.2. Đánh giá cuối kỳ

- Đề thi do Khoa/Bộ môn quản lý học phần ra đề hoặc trích xuất từ Ngân hàng câu hỏi thi/Ngân hàng đề thi của Trường (nếu có).

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm khách quan 100%.

Hình thức đánh giá		Lựa chọn
Vấn đáp		
Tự luận		
Trắc nghiệm khách quan		X
Trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận		
Thực hành trên máy tính		
Tiểu luận/đề án/bài tập lớn (cá nhân)	Nộp bài không thuyết trình	
	Nộp bài có thuyết trình	
Tiểu luận/đề án/bài tập lớn (nhóm)	Nộp bài không thuyết trình	
	Nộp bài có thuyết trình	

- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Mô tả về kết cấu đề thi: 40 câu trắc nghiệm.
- Mô tả về phạm vi nội dung của đề thi: đề thi đánh giá nội dung các chương 1 đến 9 của học phần.
- Ma trận đề:

Tên các nội dung/chủ đề/mạch kiến thức	Các mức độ nhận thức				Tổng cộng
	Mức 1 (biết)	Mức 2 (hiểu)	Mức 3 (áp dụng)	Mức 4 (phân tích)	
<b>Chương 1</b> <b>Số câu: 5</b> Số điểm: 1.25 Tỷ lệ: 12.5%	CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	CLO1 Số câu: 3 Số điểm: 0.75 Tỷ lệ: 60%	CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	-	5 câu = 1.25 điểm = 100%
<b>Chương 2</b> <b>Số câu: 5</b> Số điểm: 1.25 Tỷ lệ: 12.5%	CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	CLO1 Số câu: 3 Số điểm: 0.75 Tỷ lệ: 60%	CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	-	5 câu = 1.25 điểm = 100%
<b>Chương 3</b> <b>Số câu: 5</b> Số điểm: 1.25 Tỷ lệ: 12.5%	CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	CLO1 Số câu: 3 Số điểm: 0.75 Tỷ lệ: 60%	CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	-	5 câu = 1.25 điểm = 100%
<b>Chương 4</b> <b>Số câu: 5</b> Số điểm: 1.25 Tỷ lệ: 12.5%	CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	CLO1 Số câu: 3 Số điểm: 0.75 Tỷ lệ: 60%	CLO1 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	-	5 câu = 1.25 điểm = 100%
<b>Chương 5</b> <b>Số câu: 5</b> Số điểm: 1.25 Tỷ lệ: 12.5%	CLO2 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	CLO2 Số câu: 3 Số điểm: 0.75 Tỷ lệ: 60%	CLO2 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	-	5 câu = 1.25 điểm = 100%

Tên các nội dung/chủ đề/mạch kiến thức	Các mức độ nhận thức				Tổng cộng
	Mức 1 (biết)	Mức 2 (hiểu)	Mức 3 (áp dụng)	Mức 4 (phân tích)	
<b>Chương 6</b> <b>Số câu: 5</b> Số điểm: 1.25 Tỷ lệ: 12.5%	CLO2 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	CLO2 Số câu: 3 Số điểm: 0.75 Tỷ lệ: 60%	CLO2 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	-	5 câu = 1.25 điểm = 100%
<b>Chương 7</b> <b>Số câu: 5</b> Số điểm: 1.25 Tỷ lệ: 12.5%	CLO2 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	CLO2 Số câu: 3 Số điểm: 0.75 Tỷ lệ: 60%	CLO2 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 20%	-	5 câu = 1.25 điểm = 100%
<b>Chương 8</b> <b>Số câu: 3</b> Số điểm: 0.75 Tỷ lệ: 7.5%	CLO2 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 33.33%	CLO2 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 33.33%	CLO2 Số câu: 1 Số điểm: 0.25 Tỷ lệ: 33.33%	-	3 câu = 0.75 điểm = 100%
<b>Chương 9</b> <b>Số câu: 2</b> Số điểm: 0.5 Tỷ lệ: 5%	CLO3 Số câu: 2 Số điểm: 0.5 Tỷ lệ: 100%			-	2 câu = 0.5 điểm = 100%
<b>Tổng số câu</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>8</b>		<b>40</b>
<b>Tổng số điểm</b>	<b>2.5</b>	<b>5.5</b>	<b>2</b>		<b>10</b>
<b>Tỷ lệ</b>	<b>25%</b>	<b>55%</b>	<b>20%</b>		<b>100</b>

- Quy định về việc sử dụng tài liệu: không sử dụng tài liệu.
- Các quy định khác về bài đánh giá: Không.

### C. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY

Thời lượng (giờ)	Nội dung giảng dạy chi tiết	CĐR MH	Hoạt động dạy và học	Phương pháp đánh giá	Học liệu
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)
7	<b>CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ KINH TẾ HỌC</b> 1.1. Lĩnh vực nghiên cứu kinh tế học 1.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế học 1.3. Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô 1.4. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc	CLO1	<b>GIẢNG VIÊN:</b> + Trình bày mục tiêu và nội dung chương. + Giảng giải nội hàm của chương. + Trả lời câu hỏi của SV, giao bài tập. <b>SINH VIÊN:</b> + Tại nhà: Đọc tài liệu chương 1, 2 tài liệu [1]; Xem trước bài giảng chương 2; Đọc trước chương 4 và 7 tài liệu [1] + Tại lớp: nghe giảng và trao đổi, thảo luận những nội dung liên quan đến bài học với giảng viên và bạn học cùng lớp.	1.1 1.2 2.1	[1] Chương 1 và 2
8	<b>CHƯƠNG 2: CÁC LỰC LƯỢNG CUNG VÀ CẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG</b> 2.1. Cầu 2.2. Cung 2.3. Sự kết hợp của cung và cầu	CLO1	<b>GIẢNG VIÊN:</b> + Trình bày mục tiêu và nội dung chương. + Giảng giải nội hàm của chương.	1.1 1.2 2.1	[1] Chương 4 và 7

	<p><b>2.4. Ứng dụng cung, cầu trong kinh tế học phúc lợi</b></p>		<p>+ Trả lời câu hỏi của SV, giao bài tập.</p> <p>+ Thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học.</p> <p><b>SINH VIÊN:</b></p> <p>+ Tại nhà: Đọc tài liệu chương 4, 7 tài liệu [1]; Xem trước bài giảng chương 3 và đọc trước chương 5 tài liệu [1].</p> <p>+ Tại lớp: nghe giảng, thảo luận, giải quyết vấn đề.</p>		
4	<p><b>CHƯƠNG 3: ĐỘ CO GIÃN VÀ ỨNG DỤNG</b></p> <p><b>3.1. Độ co giãn của cầu</b></p> <p><b>3.2. Độ co giãn của cung theo giá</b></p> <p><b>3.3. Các ứng dụng của cung, cầu và độ co giãn</b></p>	CLO1	<p><b>GIẢNG VIÊN:</b></p> <p>+ Trình bày mục tiêu và nội dung chương, giảng giải nội hàm của chương.</p> <p>+ Thực hành và phân tích mẫu.</p> <p>+ Nêu vấn đề, giao bài tập cá nhân, và trả lời câu hỏi của SV.</p> <p><b>SINH VIÊN:</b></p>	<p>1.1</p> <p>1.3</p> <p>2.1</p>	<p>[1]</p> <p><i>Chương</i></p> <p><i>5</i></p>

			<p>+ Tại nhà: Đọc chương 5 tài liệu [1] ; Xem trước bài giảng chương 4 và đọc trước chương 6 tài liệu [1].</p> <p>+ Tại lớp: nghe giảng, thảo luận, thực hành.</p>		
4	<p><b>CHƯƠNG 4: CUNG, CẦU VÀ CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ</b></p> <p><b>4.1. Kiểm soát giá</b></p> <p><b>4.2. Thuế</b></p>	CLO1	<p><b>GIẢNG VIÊN:</b></p> <p>+ Trình bày mục tiêu và nội dung chương, giảng giải nội hàm của chương.</p> <p>+ Thực hành và phân tích mẫu.</p> <p>+ Nêu vấn đề, giao bài tập cá nhân, và trả lời câu hỏi của SV.</p> <p>+ Thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học.</p> <p><b>SINH VIÊN:</b></p> <p>+ Tại nhà: Đọc chương 6 tài liệu [1] ; Xem trước bài giảng chương 5 và đọc trước chương 21 tài liệu [1].</p> <p>+ Tại lớp: nghe giảng, thảo luận, thực hành.</p>	1.1 1.3 2.1	[1] Chương 6

5	<p><b>CHƯƠNG 5: LÝ THUYẾT VỀ SỰ LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG</b></p> <p><b>5.1. Giới hạn ngân sách</b></p> <p><b>5.2. Sự ưa thích</b></p> <p><b>5.3. Tối ưu hóa lựa chọn của người tiêu dùng</b></p> <p><b>5.4. Một số ứng dụng của lý thuyết hành vi người tiêu dùng</b></p>	CLO2	<p><b>GIẢNG VIÊN:</b></p> <p>+ Trình bày mục tiêu và nội dung chương, giảng giải nội hàm của chương.</p> <p>+ Thực hành và phân tích mẫu.</p> <p>+ Nêu vấn đề, giao bài tập cá nhân, và trả lời câu hỏi của SV.</p> <p>+ Thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học.</p> <p><b>SINH VIÊN:</b></p> <p>+ Tại nhà: Đọc chương 21 tài liệu [1] ; Xem trước bài giảng chương 6 và đọc trước chương 13 tài liệu [1].</p> <p>+ Tại lớp: nghe giảng, thảo luận, thực hành.</p>	1.1 1.3 2.1	[1] <i>Chương</i> 21
5	<p><b>CHƯƠNG 6: LÝ THUYẾT SẢN XUẤT VÀ CHI PHÍ</b></p> <p><b>6.1. Lý thuyết sản xuất</b></p> <p><b>6.2. Lý thuyết chi phí</b></p>	CLO2	<p>Trực tiếp (offline) hay trực tuyến (online)</p> <p><b>GIẢNG VIÊN:</b></p> <p>+ Trình bày mục tiêu và nội dung chương, giảng giải nội hàm của chương.</p>	1.1 1.3 2.1	[1] <i>Chương</i> 13

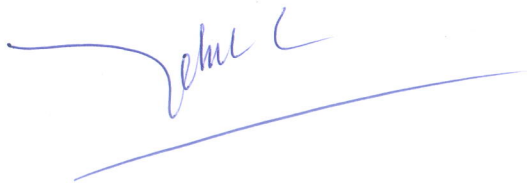
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hành và phân tích mẫu.</li> <li>+ Nêu vấn đề, giao bài tập cá nhân, và trả lời câu hỏi của SV.</li> <li>+ Thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học.</li> </ul> <p><b>SINH VIÊN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tại nhà: Đọc chương 13 tài liệu [1] ; Xem trước bài giảng chương 7 và đọc trước chương 14 tài liệu [1].</li> <li>+ Tại lớp: nghe giảng, thảo luận, thực hành.</li> </ul>		
5	<p><b>CHƯƠNG 7: THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO</b></p> <p>7.1. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo</p> <p>7.2. Tối đa hóa lợi nhuận và đường cung của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo</p> <p>7.3. Đường cung trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo</p> <p>7.4. Cân bằng trong dài hạn</p>	CLO2	<p><b>GIẢNG VIÊN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình bày mục tiêu và nội dung chương, giảng giải nội hàm của chương.</li> <li>+ Thực hành và phân tích mẫu.</li> <li>+ Nêu vấn đề, giao bài tập cá nhân, và trả lời câu hỏi của SV.</li> <li>+ Thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu</li> </ul>	1.1 2.1	[1] <i>Chương</i> <i>14</i>

			<p>cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học.</p> <p><b>SINH VIÊN:</b></p> <p>+ Tại nhà: Đọc chương 14 tài liệu [1] ; Xem trước bài giảng chương 8 và đọc trước chương 15 tài liệu [1].</p> <p>+ Tại lớp: nghe giảng, thảo luận, thực hành.</p>		
5	<p><b>CHƯƠNG 8: THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN</b></p> <p>8.1. Nguyên nhân của độc quyền</p> <p>8.2. Các quyết định về sản xuất và giá cả của doanh nghiệp độc quyền</p> <p>8.3. Tổn thất phúc lợi do độc quyền</p> <p>8.4. Phân biệt giá</p> <p>8.5. Chính sách của chính phủ đối với các doanh nghiệp độc quyền</p>	CLO2	<p><b>GIẢNG VIÊN:</b></p> <p>+ Trình bày mục tiêu và nội dung chương, giảng giải nội hàm của chương.</p> <p>+ Thực hành và phân tích mẫu.</p> <p>+ Nêu vấn đề, giao bài tập cá nhân, và trả lời câu hỏi của SV.</p> <p>+ Thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học.</p> <p><b>SINH VIÊN:</b></p>	1.1 2.1	[1] <i>Chương</i> 15

			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tại nhà: Đọc chương 15 tài liệu [1] ; Xem trước bài giảng chương 9 và đọc trước chương 16 và 17 tài liệu [1].</li> <li>+ Tại lớp: nghe giảng, thảo luận, thực hành.</li> </ul>		
2	<p><b>CHƯƠNG 9: THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN NHÓM VÀ CẠNH TRANH ĐỘC QUYỀN</b></p> <p><b>9.1. Thị trường độc quyền nhóm</b></p> <p><b>9.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền</b></p>	CLO3	<p><b>GIẢNG VIÊN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình bày mục tiêu và nội dung chương, giảng giải nội hàm của chương.</li> <li>+ Thực hành và phân tích mẫu.</li> <li>+ Nêu vấn đề, giao bài tập cá nhân, và trả lời câu hỏi của SV.</li> <li>+ Thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học.</li> <li>+ Ôn tập cho SV.</li> </ul>	1.1 2.1	[1] Chương 16, 17

			<b>SINH VIÊN:</b> + Tại nhà: Đọc tài liệu chương 16 và 17 tài liệu [1]. + Tại lớp: nghe giảng, thảo luận, thực hành.		
Môn học được giảng dạy trực tuyến tối đa không quá 30% tổng thời lượng chương trình.					

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



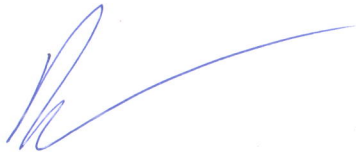
**Lê Thị Ánh Tuyết**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**




**Trần Thị Thuỳ Dung**

**TRƯỞNG KHOA**



**Hà Văn Dũng**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Đức Trung**